TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ - ST
Ngày 26 – 5 – 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Trung và ông Lê Đình Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2026/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2026/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Trương Thị Thúy H; sinh năm: 1971; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

CCCD số: 049171009xxx

Đia chỉ: 101/4 đường V, phường B, tỉnh Đắk Lắk

*** Bị đơn**: Ông Nguyễn Đình T; sinh năm: 1964; vắng mặt

CCCD số: 033064013xxx

Đia chỉ: 101/4 đường V, phường B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Đình T chung sống với nhau tự nguyên, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) ngày 29/10/1992. Trong quá trình đăng ký kết hôn, do có sự sai sót nên ông T đã ghi ngày sinh là 02/02/1963. Tuy nhiên thực tế ông T sinh ngày 02/02/1964

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 03 năm nay mà không có giải pháp nào hàn gắn.

Nhận thấy, tình cảm giữa tôi với ông Nguyễn Đình T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và ông Nguyễn Đình T được ly hôn

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và ông Nguyễn Đình T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm: 1993 và cháu Nguyễn Đình Hiếu S năm 1996. Hiện nay các con chung đã đủ tuổi thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Về nợ chung và tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình T vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai hay văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thúy H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Đã đủ 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung và tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà Trương Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đình T có địa chỉ cư trú tại số nhà A đường V, phường B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trương Thị Thúy H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về năm sinh của ông Nguyễn Đình T:

Xét thấy, bà H đang yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Đình T, sinh ngày 02/02/1964, CCCD số: 033064013xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/10/2023. Tuy nhiên, trong Giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ông Nguyễn Đình T, sinh ngày 02/02/1963.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/4/2026 tại chính quyền địa phương thể hiện: có tài liệu ông Nguyễn Đình T sinh năm: 1963, có tài liệu thể hiện ông T sinh năm 1964 tuy nhiên địa phương xác định đều là một người. Căn cứ Xác nhận thông tin về nơi cư trú do Công an phường B cấp ngày 07/4/2026 cho bà Trương Thị Thúy H thể hiện, bà Trương Thị Thúy H có chồng là Nguyễn Đình T; ngày, tháng, năm sinh: 02/02/1964, số định danh cá nhân: 033064013xxx. Tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 10/4/2026 của UBND phường B thể hiện: Bà Trương Thị Thúy H hiện tại đang có chồng là ông Nguyễn Đình T (Giấy chứng nhận kết hôn số 104/1992 do UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/10/1992). Như vậy, có căn cứ xác định, bà Trương Thị Thúy H có chồng ông Nguyễn Đình T, sinh ngày 02/02/1964. Việc Giấy chứng nhận kết hôn số 104/1992 do UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/10/1992 thể hiện ông T sinh năm 1963 là do sai sót.

[2.2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thúy H và ông Nguyễn Đình T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) ngày 29/10/1992 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Bà H cho rằng, trong quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 03 năm nay mà không có giải pháp nào hàn gắn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt, không thể hiện được thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm. Như vậy có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Thúy H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Trương Thị Thúy H và ông Nguyễn Đình T có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm: 1993 và Nguyễn Đình Hiếu S năm 1996. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, bà Trương Thị Thúy H không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Thúy H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 217, 227, 238, 235, 238, 244, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thúy H

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

[1.2]. Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[1.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2]. Về án phí: Bà Trương Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do Võ Hồng H1 nộp thay theo Biên lai số 00040605 ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Đương sự;
- UBND phường BMT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hương Giang